

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016**

---

**Hải Phòng, tháng 03 năm 2017**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**  
Số 16A Nguyễn Công Trứ, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Trịnh Thị Nga	Chủ tịch
Bà Vũ Thị Thìn	Ủy viên HĐQT
Ông Lâm Văn Sơn	Ủy viên HĐQT

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lâm Văn Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lâm Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,



**Trịnh Thị Nga**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị.  
Ngày 24 tháng 03 năm 2017

Số: 118/VACO/BCKT.HP

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông;  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc;  
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2017 từ trang 03 đến trang 20 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Hồng Hiến**  
Giám đốc Chi nhánh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1117-2013-156-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM**  
**TOÁN VACO TẠI HẢI PHÒNG**  
Ngày 24 tháng 03 năm 2017

**Đỗ Bình Dương**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1953-2013-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

MẪU SỐ B01-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4,00	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>6.624.933.390</b>	<b>9.694.380.691</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>3.346.319.833</b>	<b>3.909.884.739</b>
1. Tiền	111		3.346.319.833	3.909.884.739
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.254.526.086</b>	<b>5.618.654.034</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.777.209.021	2.909.433.190
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	893.471.370	2.168.655.370
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	499.006.828	926.003.838
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(915.161.133)	(385.438.364)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>10.358.252</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	10.358.252
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>24.087.471</b>	<b>155.483.666</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	22.121.896	153.220.263
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	297.828
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	1.965.575	1.965.575
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>13.568.015.533</b>	<b>11.326.372.937</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>283.671.519</b>	<b>283.671.519</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	283.671.519	283.671.519
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.173.532.162</b>	<b>9.127.309.665</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	12.173.532.162	9.127.309.665
- Nguyên giá	222		24.420.055.625	21.287.254.138
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.246.523.463)	(12.159.944.473)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>320.455.364</b>	<b>1.245.936.137</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	320.455.364	1.245.936.137
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>790.356.488</b>	<b>669.455.616</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	790.356.488	669.455.616
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>20.192.948.923</b>	<b>21.020.753.628</b>


**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH  
THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**  
Số 16A Nguyễn Công Trứ, Phường Phạm Đình Hồ,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội,  
CHXHCN Việt Nam


**Mẫu số B 01-DN**  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**MÃ SỐ B01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.092.227.278</b>	<b>2.034.981.499</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>841.227.278</b>	<b>1.863.981.499</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		182.675.464	781.756.995
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.257.662	324.720.350
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	251.721.804	145.249.148
4. Phải trả người lao động	314		37.462.610	276.122.326
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		33.469.067	120.153.232
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		241.854.541	116.763.635
6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		66.338.976	81.718.659
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.447.154	17.497.154
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>251.000.000</b>	<b>171.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		251.000.000	171.000.000
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>19.100.721.645</b>	<b>18.985.772.129</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>19.100.721.645</b>	<b>18.985.772.129</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		19.933.930.000	19.933.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.933.930.000	19.933.930.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.961.894.490	1.961.894.490
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.795.102.845)	(2.910.052.361)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.910.052.361)	(90.000)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		114.949.516	(2.909.962.361)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>20.192.948.923</b>	<b>21.020.753.628</b>

  
Ninh Phi Nhung Huong  
Người lập biểu  
Ngày 24 tháng 03 năm 2017

  
Bao Thi Ngan Hoa  
Kế toán trưởng



  
Trinh Thi Nga  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH  
THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**

Số 16A Nguyễn Công Trứ, Phường Phạm Đình Hồ,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội,  
CHXHCN Việt Nam

**Mẫu số B 02-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính

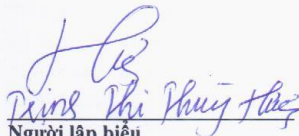
**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH  
THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**  
Số 16A Nguyễn Công Trứ, Phường Phạm Đình Hồ,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội,  
CHXHCN Việt Nam

**Mẫu số B 02-DN**  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**MẪU SỐ B02-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	10.857.199.708	12.395.946.145
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		10.857.199.708	12.395.946.145
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	5.616.382.502	10.755.822.848
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.240.817.206	1.640.123.297
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		10.672.244	137.550.843
6. Chi phí tài chính	22		-	34.565.000
7. Chi phí bán hàng	25	17	2.660.077.392	3.169.859.275
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	2.563.939.459	2.033.301.396
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		27.472.599	(3.460.051.531)
10. Thu nhập khác	31		1.461.913.202	569.035.593
11. Chi phí khác	32		1.269.873.010	2.466.878
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		192.040.192	566.568.715
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		219.512.791	(2.893.482.816)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		104.563.275	16.479.545
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		114.949.516	(2.909.962.361)
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	58	(1.460)

  
Đinh Thị Thủy Hằng  
Người lập biểu  
Ngày 24 tháng 03 năm 2017

  
Hoàng Chi Ngân Hoa  
Kế toán trưởng



  
Trịnh Thị Nga  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

5


**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH  
THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**  
Số 16A Nguyễn Công Trứ, Phường Phạm Đình Hồ,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội,  
CHXHCN Việt Nam


**Mẫu số B 03-DN**  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**MẪU SỐ B03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	219.512.791	(2.893.482.816)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	1.389.702.650	1.300.930.076
Các khoản dự phòng	03	529.722.769	(2.249.248)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	34.565.000
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(202.222.781)	(137.525.246)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.936.715.429	(1.697.762.234)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.389.248.462	(987.196.619)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	10.358.252	2.168.715.703
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(766.436.220)	(231.175.846)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	10.197.494	(617.690.133)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(104.563.275)	(86.547.663)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	18.181.818	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.050.000)	(52.690.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.492.651.960	(1.504.346.792)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(4.248.707.292)	61.215.906
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	181.818.182	1.300.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.672.244	137.525.246
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.056.216.866)	1.498.741.152
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(587.595.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(587.595.300)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(563.564.906)	(593.200.940)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.909.884.739	4.503.085.679
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	3.346.319.833	3.909.884.739

  
Người lập biểu  
Ngày 24 tháng 03 năm 2017

  
Kế toán trưởng

  
  
Trịnh Thị Nga  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

6



---

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100107282 ngày 24/08/2007 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ ba ngày 05/05/2015.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ ba ngày 05 tháng 05 năm 2015, Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư hoạt động với ngành nghề kinh doanh chủ yếu sau:

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống, các dịch vụ giải trí, Kinh doanh các dịch vụ du lịch khác (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Vận chuyển khách du lịch;
- Vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, liên tỉnh, taxi;
- Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa;
- Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu tổng hợp;
- Cho thuê nhà, văn phòng, kho bãi, phương tiện vận tải, thiết bị chuyên dùng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh thiết bị máy móc, lắp đặt và chuyển giao công nghệ, các dây chuyền sản xuất;

Hoạt động chính của Công ty là: cung cấp dịch vụ du lịch, kinh doanh khách sạn nhà hàng, ăn uống, cho thuê nhà văn phòng kho bãi ...

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá thực tế đích danh. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH  
THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**

Số 16A Nguyễn Công Trứ, Phường Phạm Đình Hồ,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội,  
CHXHCN Việt Nam

**Mẫu số B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 15
Thiết bị văn phòng	04 - 06
Phương tiện vận tải	06 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Nợ phải trả**

Nợ phải thu là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.761.095.344	17.571.785
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	585.224.489	3.892.312.954
<b>Cộng</b>	<b>3.346.319.833</b>	<b>3.909.884.739</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
<b><i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i></b>	<b><i>2.777.594.021</i></b>		<b><i>2.909.433.190</i></b>	
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Trung Đông	707.791.290		904.791.290	
Công ty Cổ phần ANTY	718.322.050		718.322.050	
Công ty cổ phần đầu tư VN Benchmark	1		402.150.000	
Tô Chiến Anh	630.000.000		-	
Các đối tượng khác	721.480.680		884.169.850	
<b>Cộng</b>	<b><u>2.777.594.021</u></b>		<b><u>2.909.433.190</u></b>	

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	EUR	VND	EUR	VND
<b><i>Ngắn hạn</i></b>	<b><i>- 893.471.370</i></b>		<b><i>- 2.168.655.370</i></b>	
Công ty cổ phần công nghiệp Thăng Hải	-	261.605.000	-	274.189.000
Công ty TNHH Bá Trung	-	-	-	881.600.000
GUMIX ANETA PIATKOWSKA	5.000,00	142.098.870	5.000,00	142.098.870
M & T IMPORT - EXPORT	15.000,00	489.767.500	15.000,00	489.767.500
Các đối tượng khác	-	-	-	381.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>- 893.471.370</u></b>		<b><u>- 2.168.655.370</u></b>	

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b><i>a) Ngắn hạn</i></b>	<b><i>499.006.828</i></b>		<b><i>926.003.838</i></b>	
Tạm ứng	106.933.625	-	320.997.000	-
Bảo hiểm nộp thừa	-	-	191.230.299	-
CT TNHH XD Vinh Hoàng Phát	189.277.537	-	189.277.537	-
Các đối tượng khác	202.795.666	-	224.499.002	-
<b><i>b) Dài hạn</i></b>	<b><i>283.671.519</i></b>		<b><i>283.671.519</i></b>	
Ký cược, ký quỹ	283.671.519	-	283.671.519	-
<b>Cộng</b>	<b><u>782.678.347</u></b>		<b><u>1.209.675.357</u></b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.650.874.200</b>	<b>735.713.067</b>	<b>1.650.874.200</b>	<b>1.265.435.836</b>
<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>1.317.912.859</i>	<i>641.074.299</i>	<i>1.317.912.859</i>	<i>1.076.158.299</i>
Nguyễn Văn Thành	28.617.894	-	28.617.894	-
Công ty TNHH LNS	111.631.328	-	111.631.328	-
Công ty CP TM & Du lịch Trung Đông	707.791.290	353.895.645	707.791.290	707.791.290
Công ty TNHH MTV Chúc Tâm	162.376.710	81.188.355	162.376.710	162.376.710
Phải thu khách hàng khác	307.495.637	205.990.299	307.495.637	205.990.299
<i>Phải thu khác</i>	<i>332.961.341</i>	<i>94.638.768</i>	<i>332.961.341</i>	<i>189.277.537</i>
Chu Thúy Hà	92.002.472	-	92.002.472	-
Nguyễn Quang Vinh	21.927.400	-	21.927.400	-
Nguyễn Tuấn Long	14.484.401	-	14.484.401	-
Công ty TNHH xây dựng Vinh Hoàng Phát	189.277.537	94.638.768	189.277.537	189.277.537
Phải thu khác	15.269.531	-	15.269.531	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.650.874.200</b>	<b>735.713.067</b>	<b>1.650.874.200</b>	<b>1.265.435.836</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>22.121.896</b>	<b>153.220.263</b>
Chi phí chờ phân bổ	12.162.068	48.710.676
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	9.959.828	104.509.587
<b>Dài hạn</b>	<b>790.356.488</b>	<b>669.455.616</b>
Chi phí chờ phân bổ	177.221.337	43.157.771
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	613.135.151	626.297.845
<b>Cộng</b>	<b>812.478.384</b>	<b>822.675.879</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THU/NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu</b>	<b>1.965.575</b>	-	-	<b>1.965.575</b>
Thuế xuất, nhập khẩu	1.965.575	-	-	1.965.575
<b>Phải nộp</b>	<b>145.249.148</b>	<b>3.474.804.515</b>	<b>3.368.331.859</b>	<b>251.721.804</b>
Thuế GTGT	46.000.052	476.195.353	276.590.539	245.604.866
Thuế TNDN		104.563.275	104.563.275	-
Thuế TNCN	41.779.596	16.043.499	51.706.157	6.116.938
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	57.469.500	2.233.991.076	2.291.460.576	-
Thuế bảo vệ môi trường				-
Các loại thuế khác		644.011.312	644.011.312	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>145.249.148</b>	<b>3.477.804.515</b>	<b>3.371.331.859</b>	<b>251.721.804</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Nhà cửa vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>16.499.021.215</b>	<b>1.099.868.889</b>	<b>3.594.855.034</b>	<b>93.509.000</b>	<b>21.287.254.138</b>
Mua trong năm	3.700.996.429	-	1.297.923.636	-	4.998.920.065
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.866.118.578)	-	(1.866.118.578)
<b>Số cuối năm</b>	<b>20.200.017.644</b>	<b>1.099.868.889</b>	<b>3.026.660.092</b>	<b>93.509.000</b>	<b>24.420.055.625</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>8.875.698.930</b>	<b>707.255.646</b>	<b>2.513.980.897</b>	<b>63.009.000</b>	<b>12.159.944.473</b>
Khấu hao trong năm	914.796.862	75.261.780	399.644.008	-	1.389.702.650
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.303.123.660)	-	(1.303.123.660)
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.790.495.792</b>	<b>782.517.426</b>	<b>1.610.501.245</b>	<b>63.009.000</b>	<b>12.246.523.463</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>7.623.322.285</b>	<b>392.613.243</b>	<b>1.080.874.137</b>	<b>30.500.000</b>	<b>9.127.309.665</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.409.521.852</b>	<b>317.351.463</b>	<b>1.416.158.847</b>	<b>30.500.000</b>	<b>12.173.532.162</b>

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.613.544.262 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2015: 2.010.177.774 VND)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**13. TÀI SẢN DÀI HẠN**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công trình sửa chữa, nâng cấp khách sạn Hướng Dương	320.455.364	1.245.936.137
<b>Cộng</b>	<b>320.455.364</b>	<b>1.245.936.137</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng</b>
	<b>VND</b>	<b>trả nợ</b>	<b>VND</b>	<b>trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>182.675.464</i>	<i>182.675.464</i>	<i>781.756.995</i>	<i>781.756.995</i>
Trường Đại học Bách Khoa	77.398.500	77.398.500	77.398.500	77.398.500
Các đối tượng khác	105.276.964	105.276.964	704.358.495	704.358.495
<b>Cộng</b>	<b>182.675.464</b>	<b>182.675.464</b>	<b>781.756.995</b>	<b>781.756.995</b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư</b>	<b>Quỹ đầu tư</b>	<b>Lợi nhuận</b>	<b>Tổng</b>
	<b>của chủ sở hữu</b>	<b>phát triển</b>	<b>chưa phân phối</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>19.933.930.000</b>	<b>1.961.894.490</b>	<b>647.036.886</b>	<b>22.542.861.376</b>
Chia cổ tức	-	-	(598.017.900)	(598.017.900)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(49.108.986)	(49.108.986)
Lỗi trong năm	-	-	(2.909.962.361)	(2.909.962.361)
<b>Số đầu năm nay</b>	<b>19.933.930.000</b>	<b>1.961.894.490</b>	<b>(2.910.052.361)</b>	<b>18.985.772.129</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	114.949.516	114.949.516
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.933.930.000</b>	<b>1.961.894.490</b>	<b>(2.795.102.845)</b>	<b>19.100.721.645</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**Vốn điều lệ**

Danh sách cổ đông tại thời điểm lập báo cáo

<b>Họ và tên</b>	<b>Tại 31/12/2016</b>	
	<b>Số tiền</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Trịnh Thị Nga	4.500.000.000	22,57%
Lâm Như Thiệu	1.000.000.000	5,02%
Dương Quốc Hiếu	3.500.000.000	17,56%
Nguyễn Thị Hoa	2.216.000.000	11,12%
Lê Thanh Phong	5.706.990.000	28,63%
Các cổ đông khác	3.010.940.000	15,10%
<b>Cộng</b>	<b>19.933.930.000</b>	<b>100%</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	19.933.930.000	19.933.930.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	19.933.930.000	19.933.930.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	647.126.886

**Cổ phiếu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.993.393	1.993.393
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.993.393	1.993.393
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.993.393	1.993.393
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.993.393	1.993.393
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.993.393	1.993.393
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Doanh thu bán hàng hóa	-	2.100.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ và kinh doanh BĐS	10 857 199 708	10 295 946 145
<b>Cộng</b>	<b>10.857.199.708</b>	<b>12.395.946.145</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán	-	598.733.827
Giá vốn cung cấp dịch vụ và kinh doanh BĐS	5.616.382.502	10.157.089.021
<b>Cộng</b>	<b>5.616.382.502</b>	<b>10.755.822.848</b>

**18. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b><i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i></b>	<b>2.563.939.459</b>	<b>2.066.627.383</b>
Chi phí khấu hao TSCĐ	119.887.936	127.887.903
Chi phí nhân viên	1.182.369.415	1.250.442.294
Chi phí đồ dùng văn phòng	13.564.506	100.934.325
Thuế, phí và lệ phí	115.899.594	144.191.440
Các khoản chi phí QLDN khác	1.132.218.008	443.171.421
<b><i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i></b>	<b>2.660.077.392</b>	<b>3.169.981.889</b>
Chi phí nhân viên	923.509.264	1.541.373.997
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	606.820.715	164.580.701
Chi phí khấu hao TSCĐ	289.948.429	253.966.924
Thuế, phí và lệ phí	488.210.052	931.837.181
Các khoản chi phí bán hàng khác	351.588.932	278.223.086
<b><i>Các khoản ghi giảm chi phí BH và chi phí QLDN</i></b>	<b>-</b>	<b>33.448.601</b>
Ghi giảm chi phí bán hàng	-	122.614
Ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	-	33.325.987

**19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước (đã trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	114.949.516	(2.909.962.361)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	114.949.516	(2.909.962.361)
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.993.393	1.993.393
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>58</b>	<b>(1.460)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	Đã thuyết minh lại VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	800.006.684	977.461.314
Chi phí nhân công	2.992.363.302	4.435.381.995
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.389.702.650	1.300.930.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.090.391.184	2.328.573.095
Chi phí khác bằng tiền	4.567.935.533	5.198.244.665
<b>Cộng</b>	<b>10.840.399.353</b>	<b>14.240.591.145</b>

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.346.319.833	3.909.884.739
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.559.887.368	4.119.108.547
<b>Cộng</b>	<b>6.906.207.201</b>	<b>8.028.993.286</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	511.272.105	1.359.196.004
<b>Cộng</b>	<b>511.272.105</b>	<b>1.359.196.004</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

***Rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.346.319.833	-	3.346.319.833
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.276.215.849	283.671.519	3.559.887.368
<b>Cộng</b>	<b>6.622.535.682</b>	<b>283.671.519</b>	<b>6.906.207.201</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	260.272.105	251.000.000	511.272.105
<b>Cộng</b>	<b>260.272.105</b>	<b>251.000.000</b>	<b>511.272.105</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>6.362.263.577</b>	<b>32.671.519</b>	<b>6.394.935.096</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH  
THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**  
Số 16A Nguyễn Công Trứ, Phường Phạm Đình Hồ,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội,  
CHXHCN Việt Nam

**Mẫu số B 09-DN**  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.909.884.739	-	3.909.884.739
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.835.437.028	283.671.519	4.119.108.547
<b>Cộng</b>	<b>7.745.321.767</b>	<b>283.671.519</b>	<b>8.028.993.286</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.108.196.004	251.000.000	1.359.196.004
<b>Cộng</b>	<b>1.108.196.004</b>	<b>251.000.000</b>	<b>1.359.196.004</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>6.637.125.763</b>	<b>32.671.519</b>	<b>6.669.797.282</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

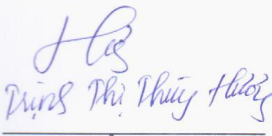
**22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

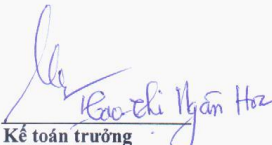
Lương, thưởng và thù lao của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và thù lao HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	468.429.318	343.705.322
Cổ tức đã nhận	10.616.388	-
	<b>479.045.706</b>	<b>343.705.322</b>

**23. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được thu thập từ báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.

  
Người lập biểu  
Ngày 24 tháng 03 năm 2017

  
Kế toán trưởng

  
Trịnh Thị Nga  
Chủ tịch Hội đồng quản trị